

Số 229/QĐ - ĐHTV

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học ngành Tài chính Ngân hàng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG

- Căn cứ Quyết định số 700/QĐ - TTg ngày 18/05/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trung Vương;
- Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Trung Vương số 124A /ĐHTV ngày 03/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Trung Vương;
- Căn cứ Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo quyết định số 292/QĐ-ĐHTV ngày 26/07/2018 của Trường Đại học Trung Vương;
- Căn cứ vào Quyết định số 4046/QĐ-BGDĐT ngày 16/9/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao Trường Đại học Trung Vương đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Tài chính Ngân hàng;
- Căn cứ Quyết định số 278/QĐ-ĐHTV ngày 23/7/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Trung Vương về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng.
- Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình Đào tạo, xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục Đại học;
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp Hội đồng chỉnh sửa chương trình Đào tạo khối ngành Kinh tế ngày 6 tháng 9 năm 2021;
- Theo đề nghị của Trường Khoa Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Đại học chính Quy ngành Tài chính Ngân hàng trên cơ sở chỉnh sửa chương trình Đào tạo ban hành theo Quyết định số 278/QĐ-ĐHTV ngày 23/07/2018.

Chương trình đào tạo chính quy ngành Tài chính Ngân hàng được sử dụng để đào tạo hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo liên thông ngành Tài chính Ngân hàng của Trường Đại học Trung Vương.



[Handwritten signature]

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3: Trường Khoa Kinh tế, Trường Phòng Đào tạo, các Ông (Bà) trưởng các phòng, ban chức năng Trường Đại học Trưng Vương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu Văn thư, HCTC



HIỆP TRƯỞNG

TS. Nguyễn Huy Oanh

Số: /QĐ-ĐHTV

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 9 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

*(Ban hành theo quyết định số 289 /QĐ-ĐHTV ngày 06 / 09 /2021 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Trung Ương)*

Tên chương trình: Kinh tế

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Tài chính ngân hàng

Mã ngành: 7340201

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Tài chính Ngân hàng có kiến thức có phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững những kiến thức kinh tế và chuyên sâu về Tài chính Ngân hàng, về hệ thống thông tin, về quản trị, về các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng, nghiệp vụ sản xuất kinh doanh, có năng lực để nghiên cứu và xử lý những vấn đề phát sinh về công tác tài chính Tài chính Ngân hàng trong các ngân hàng, doanh nghiệp, trong hoạt động quản lý Nhà nước về kinh tế, tài chính; có khả năng làm việc độc lập sáng tạo, thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội, có phẩm chất chính trị tốt, lập trường tư tưởng vững vàng. Nhiệt tình với công việc, gắn bó với nghề nghiệp, trung thực trong công việc được giao nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

Vận dụng được các kiến thức đại cương, cơ sở ngành để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề pháp lý về tài chính Tài chính Ngân hàng trong hoạt động ngân hàng và trong sản xuất kinh doanh.

- Về kỹ năng:

+ Phân tích, đánh giá được các tình huống trong Tài chính Ngân hàng và lựa chọn áp dụng những quy định những phương án xử lý thích hợp.

+ Có kỹ năng, nghiệp vụ trong xử lý nghiệp vụ Tài chính Ngân hàng, hoạch định kế hoạch tài chính, thuế cho công tác Ngân hàng và quản trị doanh nghiệp kinh doanh.

+ Đề xuất được giải pháp để giải quyết các vấn đề pháp lý về tài chính, Tài chính Ngân hàng, thuế trong hoạt động Ngân hàng và kinh doanh.

+ Thành thạo trong việc soạn thảo các hợp đồng, tài liệu và văn bản trong doanh nghiệp, điều phối được các quan hệ dân sự, thương mại và hành chính trong quản trị, sản xuất, kinh doanh.

+ Có phương pháp trình bày khoa học, thực hiện tư vấn Tài chính Ngân hàng đạt hiệu quả cho các đối tượng.

+ Có khả năng đàm phán trong công việc và giao tiếp đạt hiệu quả.

+ Có khả năng thích ứng với các thay đổi nhanh của xã hội, khả năng tự học trong môi trường làm việc và học tập suốt đời.

+ Khai thác và sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành để phục vụ cho công việc chuyên môn có hiệu quả.

+ Sử dụng được tiếng Anh để nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

- Về thái độ:

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu của công việc.

+ Có tinh thần trách nhiệm, luôn chủ động, sáng tạo trong công việc được giao.

+ Có ý thức chấp hành kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp.

+ Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Khả năng nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp có khả năng:

+ Làm việc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, doanh nghiệp nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế;

+ Làm việc tại các doanh nghiệp về thương mại điện tử, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp sản xuất về công nghệ.

+ Làm việc tại bộ phận Tài chính Ngân hàng, thuế, kiểm toán tại các Ngân hàng và các doanh nghiệp.

+ Làm việc trong các cơ quan nhà nước: Sở Công Thương, Cục thuế, Hải quan, Ngân hàng nhà nước, Kho bạc, quỹ tín dụng,...

+ Làm công tác nghiên cứu trong các Viện nghiên cứu về Tài chính Ngân hàng.

+ Làm chủ doanh nghiệp khi đủ các điều kiện đầu tư và có định hướng kinh doanh.

+ Giảng viên Tài chính Ngân hàng ở các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục an ninh quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ.

Thực hiện qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng chứng chỉ khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27&28 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sinh viên phải tích lũy đủ 130 TC (không kể các môn GDTC và GDQP) theo khung chương trình đào tạo.

6. Thang điểm:

Thang điểm 10, sau đó qui đổi ra thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quyết định 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình:

Chương trình được bố trí theo tín chỉ, mỗi tín chỉ được bố trí 15 tiết, 1 tiết lý thuyết bằng 50 phút, bằng 2 tiết thực hành.

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	32
7.1.1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	11
7.1.2	Ngoại ngữ	6
7.1.3	Khối kiến thức khoa học cơ bản theo ngành và lĩnh vực	9
7.2	Khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành	82
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	45
7.2.2	Kiến thức chuyên ngành	37
7.3	Thực tập và thi tốt nghiệp	12
7.3.1	Thực tập	6
7.3.2	Khóa luận tốt nghiệp	6
Tổng cộng		126

3	CSAC0003	Tâm lý kinh doanh <i>Business Psychology</i>	2(2-1-0-4)							
4	CSAC0004	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong kinh doanh <i>Application of game theory in business</i>	2(2-1-0-4)							
5	CSAC0005	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp <i>Business ethics and corporate culture</i>	2(2-1-0-4)							
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
2.1. Kiến thức cơ sở ngành và Kiến thức ngành			82							
2.1.1 Kiến thức cơ sở ngành			45							
Các học phần bắt buộc			37							
1	CNEL0053	Pháp luật kinh tế <i>Economic law</i>	2(2-1-0-4)	2						
2	CSBA0055	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3(3-1-0-6)	3						
3	CSBA0056	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic</i>	3(3-1-0-6)		3					
4	CSBA0057	Mô hình toán kinh tế <i>Econometric model</i>	3(3-1-0-6)			3				
5	CSBA0054	Nguyên lý thống kê <i>Statistical principles</i>	2(2-1-0-4)					2		
6	CNBA0016	Lý thuyết tài chính - tiền tệ <i>Financial and monetary theory</i>	3(3-1-0-6)			3				
7	CSBA0060	Tin học ứng dụng (Excel) <i>Applied Informatics (Excel)</i>	3(3-1-0-6)		3					
8	CSBA0011	Nguyên lý kế toán <i>Accounting principles</i>	3(3-1-0-6)			3				
9	CSBA0001	Quản trị học <i>School of Management</i>	3(3-1-0-6)		3					
10	CSAC0007	Thuế nhà nước <i>State tax</i>	3(3-1-0-6)			3				
11	CSAC0006	Lý thuyết kiểm toán <i>Auditing theory</i>	2(2-1-0-4)	2						
12	CSAC0008	Tiếng Anh thương mại 1 <i>Business English 1</i>	4				4			
13	CSAC0009	Tiếng Anh thương mại 2 <i>Business English 2</i>	3(3-1-0-6)					3		
Các học phần tự chọn			8							
1	CSAC0011	Kinh tế phát triển <i>Economic development</i>	2(2-1-0-4)							
2	CNBF0001	Thống kê ngân hàng <i>Bank statistics</i>	2(2-1-0-4)							
3	CSAC0013	Bảo hiểm <i>Insurance</i>	2(2-1-0-4)							
4	CNBA0002	Kinh tế quốc tế <i>International economy</i>	2(2-1-0-4)							
5	CSAC0012	Marketing căn bản <i>Basic Marketing</i>	2(2-1-0-4)							

6	CNBA0005	Kinh tế lượng <i>Econometric</i>	2(2-1-0-4)							
7	CNBA0009	Nghệ thuật lãnh đạo	2(2-1-0-4)							
2.2. Kiến thức chuyên ngành			37							
Nhóm 1: Ngành Tín dụng ngân hàng			29							
1	CNAC0027	Định giá tài sản <i>Property Valuation</i>	2(2-1-0-4)				2			
2	CNBF0002	Quản lý dự án <i>Project management</i>	2(2-1-0-4)				2			
3	CNBA0012	Tài chính Doanh nghiệp <i>Business Finance</i>	3(3-1-0-6)					3		
4	CSAC0010	Thị trường chứng khoán <i>Stock market</i>	2(2-1-0-4)				2			
5	CNBF0003.1	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (HPI) <i>Commercial Banking (HPI)</i>	3(3-1-0-6)				3			
6	CNBF0003.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (HPII) <i>Commercial Banking (HPII)</i>	2(2-1-0-4)					2		
7	CNBF0003.3	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (HPIII) <i>Commercial banking (HPIII)</i>	2(2-1-0-4)						2	
8	CNBF0004	Nghiệp vụ ngân hàng TW <i>Central Bank Operations</i>	3(3-1-0-6)						3	
9	CNAC0026	Kế toán ngân hàng thương mại <i>Commercial bank accountant</i>	2(2-1-0-4)					2		
10	CNAC0018	Kế toán máy <i>Machine accounting</i>	3(3-1-0-6)						3	
11	CNAC0017	Kế toán tài chính doanh nghiệp <i>Corporate financial accounting</i>	3(3-1-0-6)						3	
12	CNAC0024	Tiền tệ quốc tế và thanh toán quốc tế <i>International currency and international payments</i>	2(2-1-0-4)						2	
Nhóm 2: Ngành Tài chính Doanh nghiệp			29							
1	CNAC0027	Định giá tài sản <i>Property Valuation</i>	2(2-1-0-4)							
2	CNBA0027	Quản trị dự án <i>Project management</i>	2(2-1-0-4)							
3	CNBA0012.1	Tài chính Doanh nghiệp (HPI) <i>Corporate Finance (HPI)</i>	3(3-1-0-6)							
4	CNBA0012.2	Tài chính Doanh nghiệp (HPII) <i>Corporate Finance (HPII)</i>	3(3-1-0-6)							
5	CNBA0012.3	Tài chính Doanh nghiệp (HPIII) <i>Corporate Finance (HPIII)</i>	2(2-1-0-4)							
6	CNAC0022	Phân tích tài chính Doanh	3(3-1-0-6)							

		ngành <i>Business Financial Analysis</i>									
7	CNAC0017.1	Kế toán tài chính Doanh nghiệp (HPI) <i>Corporate Financial Accounting (HPI)</i>	3(3-1-0-6)								
8	CNAC0017.2	Kế toán tài chính Doanh nghiệp (HPII) <i>Corporate Financial Accounting (HPII)</i>	3(3-1-0-6)								
9	CNAC0018	Kế toán máy <i>Machine accounting</i>	3(3-1-0-6)								
10	CNAC0015	Kế toán quản trị chi phí <i>Cost accounting management</i>	3(3-1-0-6)								
11	CNAC0024	Tiền tệ quốc tế và thanh toán quốc tế <i>International currency and international payments</i>	2(2-1-0-4)								
Các học phần tự chọn (Áp dụng cho cả 2 chuyên ngành)			8								
1	CNBA0017	Quản trị rủi ro <i>Risk management</i>	2(2-1-0-4)								
2	CNAC0028	Quản trị doanh nghiệp I <i>Business Administration I</i>	3(3-1-0-6)								
3	CNAC0029	Quản trị doanh nghiệp II <i>Business Administration II</i>	3(3-1-0-6)								
4	CNBA0026	Kỹ năng quản trị <i>Management skills</i>	2(2-1-0-4)								
5	CNBF0007	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	2(2-1-0-4)								
6	CNAC0016	Kế toán xây dựng <i>Construction accountant</i>	3(3-1-0-6)								
7	CNAC0020	Kế toán thương mại và dịch vụ <i>Commercial accounting and services</i>	3(3-1-0-6)								
8	CNAC0025	Kế toán quốc tế <i>International accountant</i>	2(2-1-0-4)								
9	CNAC0023	Nghiệp vụ kinh doanh xuất - nhập khẩu <i>Import and export business</i>	2(2-1-0-4)								
III. Tốt nghiệp			12								
1	BCBA0045	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>	6							6	
2	BCBA0046	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	6							6	
Tổng số tín chỉ toàn khóa			126	16	17	15	16	17	16	17	12

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến, nếu có sự thay đổi, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể sau)

HỌC KỲ I				
STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	MCCB1002	Triết học Mác - Lênin	3	
2	CSBA0053	Xác suất thống kê	2	
3	CSEL0055	Pháp luật đại cương	2	
4	MCCB1011	Tiếng anh 1	3	
5	MCCB1014	Tin học đại cương	2	
6		Tự chọn:	2	
7		Tự chọn:	2	
TỔNG			16	
HỌC KỲ II				
STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	CNEL0053	Pháp luật kinh tế	2	
2	MCCB1004	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	MCCB1012	Tiếng anh 2	3	
4	CSBA0059	Toán cao cấp	3	
5	CSBA0055	Kinh tế vi mô	3	
6	CSAC0006	Lý thuyết kiểm toán	2	
7		Tự chọn:	2	
TỔNG			17	
HỌC KỲ III				
STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	MCCB1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	MCCB1005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
3	CSBA0056	Kinh tế vĩ mô	3	
4	CSBA0001	Quản trị học	3	
5	CSBA0060	Tin học ứng dụng (Excel)	3	
6		Tự chọn:	2	
TỔNG			15	
HỌC KỲ IV				
STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	MCCB1001	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
2	CNBA0016	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
3	CSBA0057	Mô hình toán kinh tế	3	
4	CSAC0007	Thuế nhà nước	3	

5	CSBA0011	Nguyên lý kế toán	3	
6		Tự chọn:	2	
TỔNG			16	

HỌC KỲ V

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	CSAC0008	Tiếng Anh thương mại 1	4	
2	CNAC0027	Định giá tài sản	2	
3	CNBF0002	Quản lý dự án	2	
4	CSAC0010	Thị trường chứng khoán	2	
5	CNBF0003.1	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (HPI)	3	
6		Tự chọn:	2	
7		Tự chọn:	2	
TỔNG			17	

HỌC KỲ VI

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	CSAC0009	Tiếng Anh thương mại 2	3	
2	CSBA0054	Nguyên lý thống kê	2	
3	CNBA0012	Tài chính Doanh nghiệp	3	
4	CNBF0003.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (HPII)	2	
5	CNAC0026	Kế toán ngân hàng thương mại	2	
6		Tự chọn:	2	
7		Tự chọn:	2	
TỔNG			16	

HỌC KỲ VII

STT	MÃ MÔN	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	CNBF0003.3	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (HPIII)	2	
2	CNAC0017	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	
3	CNAC0024	Tiền tệ quốc tế và thanh toán quốc tế	2	
4	CNBF0004	Nghiệp vụ ngân hàng TW	3	
5	CNAC0018	Kế toán máy	3	
6		Tự chọn:	2	
7		Tự chọn:	2	
TỔNG			17	

HỌC KỲ VIII

1	BCBA0045	Thực tập tốt nghiệp	6	
---	----------	---------------------	---	--

2	BCBA0046	Khóa luận tốt nghiệp	6	
TỔNG			12	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			126	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học phần tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần tự chọn.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học Irloin và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận môn học, giảng viên lựa chọn các Phương pháp giảng dạy phù hợp với tính chất và yêu cầu của môn học; hướng dẫn CLICO luận, giải quyết các bài tập tình huống tại lớp và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình, giáo trình, bài giảng trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp theo quy định hiện hành.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.

- Tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của Trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm báo cáo tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần theo quy định của nhà trường.

9.4. Kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số 70%, điểm chuyên cần 10%, điểm kiểm tra giữa học phần là 20%.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Huy Oanh